Sở Tư pháp

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:07/2019/QĐ-UBND	*Tiền Giang, ngày 19 tháng 4 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH

Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Tiền Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

a) Quyết định này quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Tiền Giang;

b) Đối với diện tích chuyên dùng của đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an đóng trên địa bàn tỉnh thực hiện theo quy định riêng của Chính phủ.

2. Đối tượng áp dụng:

Quyết định này áp dụng đối với cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động, Ban Quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị).

Điều 2. Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh:

a) Diện tích sử dụng cho hoạt động tiếp nhận và trả hồ sơ hành chính: từ 50 m^2 đến 70 m^2;

b) Diện tích sử dụng cho hoạt động tiếp dân: từ 20 m^2 đến 30 m^2;

c) Diện tích sử dụng cho hoạt động quản trị hệ thống công nghệ thông tin: từ 25 m^2 đến 35 m^2;

d) Hội trường lớn (từ 100 chỗ ngồi trở lên), không kể sân khấu: trường hợp không có trang bị bàn viết từ 0,8 m^2/chỗ ngồi đến 1,0 m^2/chỗ ngồi; trường hợp có trang bị bàn viết từ 1,8 m^2/chỗ ngồi đến 2,0 m^2/chỗ ngồi;

đ) Kho bảo quản chứng từ có giá và các tài sản khác theo yêu cầu thực hiện nhiệm vụ đặc thù của ngành (kho lưu trữ, bảo quản tài liệu, chứng từ, hồ sơ dự án...): từ 100 m^2 đến 250 m^2;

e) Diện tích khác phục vụ nhiệm vụ đặc thù (trực ban phòng, chống thiên tai, truyền thanh, truyền hình...): từ 80 m^2 đến 100 m^2.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã (cấp huyện):

a) Diện tích sử dụng cho hoạt động tiếp nhận và trả hồ sơ hành chính: từ 80 m^2 đến 100 m^2;

b) Diện tích sử dụng cho hoạt động tiếp dân: từ 30 m^2 đến 40 m^2;

c) Diện tích sử dụng cho hoạt động quản trị hệ thống công nghệ thông tin: từ 25 m^2 đến 35 m^2;

d) Hội trường lớn (từ 100 chỗ ngồi trở lên): từ 0,8 m^2/chỗ ngồi đến 01 m^2/chỗ ngồi;

đ) Kho bảo quản chứng từ có giá và các tài sản khác theo yêu cầu thực hiện nhiệm vụ đặc thù của ngành (kho lưu trữ, bảo quản tài liệu, chứng từ, hồ sơ dự án...): từ 100 m^2 đến 250 m^2;

e) Diện tích khác phục vụ nhiệm vụ đặc thù (trực ban phòng, chống thiên tai, truyền thanh, truyền hình...): từ 80 m^2 đến 100 m^2.

3. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (cấp xã):

a) Diện tích sử dụng cho hoạt động tiếp nhận và trả hồ sơ hành chính: từ 50 m^2 đến 60 m^2;

b) Diện tích sử dụng cho hoạt động tiếp dân: từ 20 m^2 đến 30 m^2;

c) Diện tích sử dụng cho hoạt động quản trị hệ thống công nghệ thông tin: từ 25 m^2 đến 35 m^2;

d) Hội trường lớn (từ 100 chỗ ngồi trở lên): từ 0,8 m^2/chỗ ngồi đến 01 m^2/chỗ ngồi;

đ) Kho bảo quản chứng từ có giá và các tài sản khác theo yêu cầu thực hiện nhiệm vụ đặc thù của ngành (kho lưu trữ, bảo quản tài liệu, chứng từ, hồ sơ dự án...): từ 100 m^2 đến 150 m^2;

e) Diện tích khác phục vụ nhiệm vụ đặc thù (trực ban phòng, chống thiên tai, truyền thanh, truyền hình...): từ 80 m^2 đến 100 m^2.

4. Đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị đã xây dựng trụ sở, trong đó có bố trí diện tích chuyên dùng:

a) Nếu còn thiếu theo tiêu chuẩn, định mức quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều này thì không xây dựng bổ sung diện tích chuyên dùng mà bố trí, sắp xếp diện tích trụ sở hiện có cho phù hợp với điều kiện thực tế đảm bảo phục vụ công tác. Trường hợp không thể bố trí được, thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định từng trường hợp cụ thể;

b) Nếu vượt diện tích theo tiêu chuẩn, định mức quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều này thì bố trí, sắp xếp diện tích trụ sở hiện có cho phù hợp với điều kiện thực tế, đảm bảo sử dụng hiệu quả, hết công năng.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ vào tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng tại Quyết định này làm căn cứ để lập kế hoạch khi được giao đầu tư xây dựng, thuê trụ sở làm việc và có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện quản lý, sử dụng theo đúng quy định tại Quyết định này và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này.

3. Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 5 năm 2019./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra VBQPPL);
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh, UBMTTQ tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- TT.HĐND, UBND các huyện, thành, thị;
- UBND các huyện, thành, thị;
- VP: CVP và các PVP,
  Các phòng NC, phòng KTTC (Luân);
  Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
  Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, (Tú). 20

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Văn Nghĩa